**CHỦ ĐỀ 4: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

**CÁC LOẠI HÌNH VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ**

**CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**I. Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**

|  |
| --- |
| Câu 1. Quan sát hình ảnh và cho biết tên loại hình nghệ thuật của ảnh 2,3,4,5.Câu 2. Kể tên một hoặc vài loại hình văn hoá, văn nghệ ở Thành phố Hồ Chí Minh- Đường hoa Nguyễn Huệ.- Hội Hoa Xuân Tao Đàn.- Lễ hội Áo dài TPHCM.- Lễ hội Nghinh Ông - Cần Giờ. - Lễ hội TPHCM - “Ngôi nhà chung của chúng ta” (thay thế cho Lễ hội TPHCM - Phát triển và Hội nhập, dự kiến tổ chức vào tháng 12 hàng năm).- Liên hoan Văn hóa Nghệ thuật dân gian Việt Nam quy tụ các nghệ nhân từ khắp các vùng miền đất nước (đờn ca tài tử, quan họ, ca trù, bài chòi, cồng chiêng Tây Nguyên…) - Ngày hội Văn hóa đọc (tổ chức vào tháng Sáu hàng năm).- Cuộc thi Tài năng diễn viên sân khấu cải lương - Giải thưởng Trần Hữu Trang. |

**II. Hoạt động 2: Hoạt động khám phá văn bản**

**A. Các hình thức diễn xướng dân gian ở Gia Định - Sài Gòn**

 Gia Định – Sài Gòn xưa có rất nhiều hình thức diễn xướng dân gian phong phú thường được phổ biến và lưu truyền bằng cách truyền miệng từ người này sang người khác, từ vùng này sang vùng khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, việc sưu tầm và tìm hiểu các hình thức diễn xướng dân gian này chủ yếu từ những tư liệu của các thế hệ trước và những nghệ nhân còn sống.

Các hình thức diễn xướng dân gian ở Gia Định - Sài Gòn rất phong phú, đa dạng, bao gồm: 1. Hò

|  |
| --- |
| a. Hò huê tình: - Ở các huyện ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có một hình thức hò/ hát huê tình rất phổ biến ở Gia Định – Sài Gòn xưa. - Khái niệm: Hò huê tình là một hình thức hò/ hát giao duyên của nam và nữ đối đáp với nhau, tốc độ diễn xướng chậm rãi, giai điệu và âm hưởng gần với hát ru con Nam Bộ.- Đặc điểm: Thường hình thành từ một cặp thơ lục bát, khi hò thường có thêm các từ đệm, từ lót theo âm hưởng đặc trưng của ru con Nam Bộ như: “Hò…ơ…, Hò..ơ..ớ…ơ…, Ớ… làm cho điệu hò huê tình có một nét trữ tình rất lãng mạn và rất riêng của Gia Định – Sài Gòn xưa- Ví dụ: “Ví dầu tình bậu muốn thôi / Bậu gieo tiếng dữ, cho rồi bậu ra,…”  “Chiều chiều ông Lữ đi câu / Bỏ ve, bỏ chén, bỏ bầu ai mang” . |

|  |
| --- |
| b. Hò chèo ghe- Gia Định – Sài Gòn có rất nhiều sông ngòi, kênh rạch cho nên việc sinh hoạt, giao thương chủ yếu là bằng xuồng, ghe. Như vậy, sông nước là một trong những đặc điểm quan trọng có ảnh hưởng đến việc hình thành nên các loại hình sinh hoạt văn hoá, văn nghệ nơi đây, trong đó có hò chèo ghe.- Hò chèo ghe thường được diễn xướng theo lối đơn lẻ hoặc đối đáp. Với nhịp độ buông lơi và trải dài, hò chèo ghe có phần giống với hát huê tình về sự ấm áp của thể loại hát ru.- Ví dụ: + “Nhà Bè nước chảy chia hai / Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”. + “Ớ ... ơ ... ơ... Sông Nhà Bè có cây nằm nước ờ... / Ớ... Sông Bao Ngược sóng bủa lao rao ... ơ/ Ớ... Gặp anh đây sao em không hỏi, không chào... / hay là em có ờ... chốn nào phụ ... anh? ”  |

|  |
| --- |
| c. Hò cấy - Sông ngòi, kênh rạch chảy qua Gia Định – Sài Gòn đã tạo điều kiện cho nông nghiệp nơi đây phát triển tốt, trong đó điển hình là cây lúa. Nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá, văn nghệ đã được hình thành từ những hoạt động canh tác cây lúa. Một trong những hình thức diễn xướng đó là hò cấy. - Hò cấy cũng thường được hình thành từ 2 câu thơ lục bát nhưng giai đoạn từ 1930 – 1940 trở đi thì phát triển thành nhiều chữ hò hơn do ảnh hưởng của của hát vọng cổ. Hò cấy thường được các công cấy (người cấy lúa) diễn xướng với hình thức hò đối đáp trong lúc cấy lúa để giúp mọi người có điều kiện giao lưu, làm quen với nhau qua đó tạo không khí vui tươi, hăng say để lao động tốt.- Một số điệu hò cấy được tìm thấy phần lớn ở ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh (đa số ở huyện Bình Chánh), có thể kể một số điệu hò như: Hò mái Ố (ở những chữ có độ cao khi hò có chữ: “Ố…ơ…”), Hò mái dài (tương tự như hò mái ố nhưng ngân dài hơn), Hò hoà hơ (khi hò có chữ: “hoà hơ ơ hò…”), Hò hoà hi (khi hò đối đáp có chữ: “hoà hi í i…”),…- Ví dụ: “Gặp anh đây, cho em hỏi anh ở tổng làng nào?/ Phụ mẫu ở nhà đầy đủ, chốn phòng đào có… chưa?” |

2. Lí

|  |
| --- |
| - Đây là một trong những hình thức diễn xướng rất phổ biến trong sinh hoạt văn hoá, văn nghệ của người dân Gia Định – Sài Gòn xưa. - Theo các nghệ nhân lớn tuổi thì lí được phát triển nhất là vào giai đoạn những năm 30 của thế kỉ XIX trở về trước. - Lí là những bài hát ngắn gọn, dễ nhớ thường được phổ biến bằng cách truyền miệng trong lúc lao động, sinh hoạt,… - Nội dung của những bài lí thường phản ảnh cuộc sống giản dị của người dân như: trong sinh hoạt, lao động, tình cảm,…- Lí có thể hát tập thể hoặc cá nhân với nhiều nội dung phong phú.- Ví dụ một số bài lí: + Về con vật: Lí con sáo, Lí con cua, Lí kiến vàng,…+ Về cây cối: Lí cây chanh, Lí cây ớt, Lí cây ổi,… + Về đồ vật: Lí cái phảng, Lí nón treo, Lí đá bia,… + Về tình cảm: Lí vọng phu, Lí giọng bóng, Lí ngựa ô,… - Để bảo tồn và phát huy vốn quý của dân tộc, các ngành chức năng, các nhà nghiên cứu âm nhạc đã tiến hành nhiều hoạt động cụ thể như: sưu tầm nghiên cứu, tổ chức các hoạt động giao lưu, biểu diễn, kết hợp với các loại hình biểu diễn (đưa bài lí vào sân khấu cải lương), đưa lí vào giảng dạy ở các trường chuyên nghệ thuật, trường học phổ thông,… Với sự quan tâm tích cực đó, lí đang được bảo tồn, phát huy và phổ biến tốt tại Thành phố Hồ Chí Minh. |

3. Nói vè

|  |
| --- |
| - Nói vè là một trong hình thức diễn xướng dân gian rất phổ biến trong sinh hoạt của người dân Gia Định – Sài Gòn xưa. - Nội dung các bài nói vè thường là kể về vật hoặc sự việc nào đó. - Nói vè thường sử dụng thể thơ 3, 4 hoặc 5 chữ, giọng đọc dứt khoát theo nhịp điệu rõ ràng. - Đối với trẻ em, nói vè được gọi là hát đồng dao. Đồng dao có các hình thức diễn xướng như: đọc, xướng có vần vè bài đồng dao hoặc đọc, xướng vần vè bài đồng dao kết hợp với một trò chơi. - Một số bài đồng dao có kết hợp với trò chơi được trẻ em yêu thích như: Chặt cây dừa, Bắc kim thang, Cùm nụm cùm niệu, Tập tầm vông,...Thông thường, cách nói vè trong đời sống sinh hoạt của người dân thường đơn giản hơn khi biểu diễn trên sân khấu. Ở sân khấu, cách nói vè của các nghệ nhân được sáng tạo nhiều hơn để giúp cho tiết mục biểu diễn sinh động và có chất lượng hơn. |

4. Nói thơ

- Đến nay, vẫn chưa tìm được tư liệu xác định chính xác thời điểm có mặt truyện thơ ở Gia Định – Sài Gòn.

- Truyện thơ là truyện mà trong đó viết nên những câu chuyện có tính chất tự sự, nội dung thường nói về đời sống xã hội, con người,… và thường được viết bằng thể lục bát. Như vậy, nói thơ có thể hiểu là đọc truyện thơ có vần, có điệu.

|  |
| --- |
| a. Nói thơ quân phường - Quân phường có nghĩa là chỉ những người hành khất. Nói thơ quân phường có thể hiểu là những người hành khất nói thơ theo hình thức độc xướng theo nhịp sanh (2 miếng cây gõ vào nhau để tạo âm thanh theo nhịp điệu) và thường diễn xướng ở những nơi tập trung đông người như: chợ, bến đò, bến sông,…- Nội dung những bài nói thơ quân phường thường diễn xướng mang tính thời sự hoặc những truyện thơ bình dân nói về cuộc sống.- Ví dụ: + Thoại Khanh - Châu Tuấn: “Sớm mai chân bước lên đường. / Thoại Khanh lạy thầy xin học văn chương”+ Phạm Công - Cúc Hoa: “ Xưa nay những kẻ thảo hoà. / Trước thì lam lũ sau đà thành nhân”.- Với lối nói thơ có vần có điệu kết hợp với nhịp gõ của sanh hay đàn nhị,… đã làm cho nói thơ quân phường có một nét rất riêng và độc đáo. Đó là một loại hình văn hoá, văn nghệ độc đáo một thời rất phổ biến ở những nơi công cộng của Gia Định – Sài Gòn. |

|  |
| --- |
| b. Nói thơ Vân Tiên- Đến nay vẫn chưa tìm được tài liệu minh chứng về thời điểm ra đời chính xác của nói thơ Vân Tiên. Tuy nhiên, căn cứ vào sự ra đời truyện thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu thì nói thơ Vân Tiên ra đời từ sau những thập niên cuối thế kỉ XIX.- Truyện thơ Vân Tiên: có giá trị cao về nội dung (giá trị về hiện thực, giá trị nhân đạo, tinh thần nghĩa hiệp, khát vọng của nhân dân vươn tới tương lai tốt đẹp,…), giá trị cao về nghệ thuật (cốt truyện, tính cách đặc trưng, ngôn ngữ con người Nam Bộ) 🡺 rất được công chúng yêu thích 🡺 nói thơ Vân Tiên ra đời như một lẽ tất yếu theo quy luật. - Ví dụ: + Về đạo lí làm người: “Trai thời trung hiếu làm đầu / Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình”.+ Về tính nghĩa hiệp, giúp người không nệ trả công: “ Tưởng câu báo đức thù công / Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi’’. - Nói thơ Vân Tiên là hình thức độc xướng truyện thơ Vân Tiên theo thể thơ lục bát của truyện thơ Vân Tiên. Với thể thơ lục bát, nội dung có tính hiện thực cao kết hợp với lối diễn xướng ngân nga, tầm bổng, nhặt khoan, những từ đệm địa phương,… đã làm cho nói thơ Vân Tiên tiếp tục được đông đảo công chúng hưởng ứng và yêu thích sau truyện thơ Vân Tiên.  |

|  |
| --- |
| c. Nói thơ rơi- Kho tàng văn học dân gian Nam Bộ nói chung và Gia Định - Sài Gòn nói riêng có nhiều thể loại như: ca dao, tục ngữ, hò, vè,… trong đó có một loại hình văn học dân gian rất được phổ biến đó là thơ rơi. - Thơ rơi thịnh hành vào khoảng đầu thế kỉ XX được tầng lớp bình dân trong xã hội sử dụng nhiều và thường phổ biến bằng cách truyền miệng. - Một trong những đặc trưng của thơ rơi là không nêu tên người gởi và người nhận.- Nội dung của thơ rơi thường để nhắn gửi đến cá nhân hoặc mọi người thông tin gì đó, giãi bày tâm sự cá nhân về cuộc sống, tình bạn, tình người,… - Ví dụ về thơ gởi bạn cũ: “Niềm cố hữu bảo châu khó sánh / Nghĩa kim bằng vàng bạc khó bì” Ví dụ về thơ tình cảm: “Dẫu em có nơi nào cũng suy đi tính lại / Nên đừng quên bến cũ con đò xưa”. - Qua tìm hiểu ở các huyện ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, thơ rơi đã từng tồn tại và phổ biến ở các huyện như: Củ Chi, Bình Chánh và Hóc Môn. - Thơ rơi tuy không mang tính nghệ thuật cao nhưng một thời rất được đông đảo công chúng lao động bình dân sử dụng bởi tính thực tiễn về đề tài, nội dung và cách phổ biến.  |

|  |
| --- |
| d. Nói tuồng- Nói tuồng là tiền thân của hát bội nhưng hình thức biểu diễn đơn giản hơn, có mặt ở Gia Định từ lâu, có thể từ nửa sau thế kỉ XIX. - Nói tuồng cũng có một thời gian dài chiếm vị trí quan trọng trong sinh hoạt biểu diễn ở Gia Định. - Có thể hình dung nói tuồng là kể, diễn xướng lại một cách khái quát nhất của một tuồng hay một phần nào đó của tuồng cho một số ít người theo dõi. Cho nên, xét về quy mô, nói tuồng về mọi mặt đều nhỏ hơn hát bội rất nhiều. Người nói tuồng có thể chỉ một hoặc vài người và ngồi ở những nơi có diện tích nhỏ như: trên ghế, trên ván, trên nền đất,… để diễn xướng. Do đó, một người có thể đóng nhiều vai, khua tay, biểu cảm,… để diễn xuất theo tính cách của nhân vật trong tuồng. - Nói tuồng là hình thức diễn xướng tương đối dễ thực hiện bởi yêu cầu và tính chất linh hoạt của nó với nhiều mục đích khác nhau như: vui chơi, tiệc sum họp, đám đình, miếu,… Sự có mặt của nói tuồng đã góp phần làm cho sinh hoạt văn hoá, văn nghệ ở Gia Định – Sài Gòn xưa đa dạng và phong phú hơn. - Những bản thơ tuồng được phổ biến nhất ở Gia Định - Sài Gòn trong thời gian này để sử dụng cho nói tuồng đó là Văn Doan diễn ca và Ông Trượng - Tiên Bửu. - Ví dụ Văn Doan Diễn Ca (Truyện Chàng Lía): “Chiều chiều én liệng Truông Mây, / Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.” Ví dụ Ông Trượng - Tiên Bửu: “Hai tay bưng chén rượu nồng; / Nửa say nửa tỉnh xuống sông kêu đò…”.  |

**B. Nghệ thuật hát bội ở thành phố Hồ Chí Minh từ xưa đến nay**

|  |
| --- |
| - Theo các nhà nghiên cứu, hát bội bắt đầu có mặt ở Gia Định từ khoảng nửa đầu thế kỉ XX và phát triển mạnh khi Tả quân Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định.- Hát bội ở Việt Nam cũng có ảnh hưởng phần nào của Trung Quốc và Chiêm Thành bởi yếu tố giao lưu văn hoá giữa các dân tộc. Bội là nhiều, hát bội nghĩa là hát có nhiều vai tuồng, có nhiều người phối hợp lại với nhau để diễn các vai diễn của tuồng. Các tuồng được soạn dựa trên những sự tích có thật, việc thật hoặc người biên soạn tự nghĩ ra và biên soạn thành tuồng theo mục đích về chủ đề hay nội dung nào đó để cho mọi người xem. - Có thể kể một số tuồng hát bội được công chúng yêu thích như: Sơn Hậu, Tuồng Châu (Phong thần), Ngũ biến báo phụ cừu,…- Đặc trưng của hát bội: có đặc trưng rất riêng mà khi xem ta có thể dễ dàng nhận biết như:+ Về trang trí sân khấu: ở hát bội được thiết kế, trang trí đơn giản hơn so với sân khấu cải lương hoặc kịch nói (cảnh trí sân khấu phải phù hợp với nội dung, thời điểm lúc diễn) vì người xem chủ yếu quan tâm đến nhân vật, cảnh trí thường có: màn, trướng, vách ngăn thêu rồng phụng (thường là màu đỏ tươi),…+ Về hoá trang: vai diễn nữ gọi là đào thường để mặt thật không trang điểm hoặc đánh phấn trắng, trừ những vai đặc biệt phải trang điểm cho phù hợp. Vai diễn nam gọi là kép trang điểm màu sắc theo tính cách nhân vật nhưng thường màu đậm hơn so với cải lương. + Hát bội chú trọng đến tính cách nhân vật như: người hiền, trung thần, nịnh thần, người gian, kẻ ác,… nên phần trang điểm ở mặt, râu, tóc,… của các diễn viên đặc biệt được chú trọng để người xem dễ nhận ra.+ Ngoài ra còn nhiều điểm đặc trưng khác như: dàn nhạc (thường có trống, kèn, chập choả), bài bản, giọng hát, điệu bộ,… khi tìm hiểu kĩ sẽ thấy có nhiều nét rất riêng, độc đáo. - Sau ngày giải phóng đất nước, để củng cố và phát triển nghệ thuật hát bội, nhà nước, các ngành chức năng đã có nhiều chính sách, hoạt động hỗ trợ, chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi bộ môn nghệ thuật này trên cơ sở kế thừa, phát huy những cái hay, cái đẹp và loại bỏ những gì đã cũ, lỗi thời không phù hợp với công chúng, thời đại. |

**C. Kịch nói**

|  |
| --- |
| **-** Kịch nói hay còn gọi là thoại kịch. - Khi biểu diễn, diễn viên chủ yếu sử dụng lời nói kết hợp với diễn xuất để thể hiện tâm lí nhân vật của vở diễn. - Kịch nói ra đời ở Gia Định - Sài Gòn vào khoảng thời gian sau khi có những gánh hát Tây sang phục vụ cho sĩ quan Pháp trong quá trình Pháp xâm chiếm Việt Nam. - Kịch nói xuất hiện ở Sài Gòn như một loại hình nghệ thuật mới lạ, thu hút sự quan tâm của học sinh, sinh viên, tầng lớp trí thức,… - Những vở kịch nói thường viết về đề tài xã hội và cách bài trí sân khấu phải tương ứng với nội dung, cảnh diễn,… - Về trang phục và cách hoá trang nhân vật cần phù hợp với nhân vật trong vở diễn. - Bên cạnh sự phát triển mạnh của hát bội, các đoàn kịch nói cũng có sự giao lưu, phấn đấu và dần dần phát triển. Từ năm 1959, có khoảng hơn 30 ban, đoàn kịch lớn nhỏ như: Kim Cương, Thẩm Thuý Hằng, Vũ Đức Duy,… đã góp phần đáp ứng tốt cho nhu cầu thưởng thức văn hoá, văn nghệ của người Sài Gòn. - Sau ngày thống nhất đất nước, được sự quan tâm của chính quyền các cấp, kịch nói ở Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một loại hình nghệ thuật hoạt động thường xuyên, đáp ứng nhu cầu thưởng thức và giải trí của khán giả. - Có thể kể một số vở diễn nổi tiếng được quần chúng yêu thích như: Lá sầu riêng, Dưới hai màu áo, Nhân danh công lí,… - Tính đến năm 2013, Thành phố Hồ Chí Minh có tổng cộng 9 sân khấu kịch nói chưa kể các sân khấu nhỏ khác như: Nhà hát kịch sân khấu nhỏ, Sân khấu kịch Idecaf, Sân khấu kịch Hồng Vân,... Ngoài các Trung tâm Văn hoá quận (huyện), các cơ quan, đoàn thể, công ty, xí nghiệp cũng có các đoàn kịch nói bán chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư. |

**D. Sân khấu cải lương ở thành phố hồ chí minh**

|  |
| --- |
| **-** Sau thời gian dài thống trị của hát bội, sân khấu cải lương ra đời như một điều tất yếu, mang tính thời đại khi trong xã hội xuất hiện các tầng lớp mang ý thức hệ mới tiến bộ hơn.- Sự ra đời của gánh hát mang tên Tân Thịnh ở Sài Gòn vào năm 1920 như một sự khởi đầu cho sự hình thành và phát triển sân khấu cải lương tại Sài Gòn ở những năm tiếp theo.- Cải lương như một loại hình ca kịch, diễn viên sẽ dùng lời nói để đối thoại, dùng những bài bản (các bài bản cải lương Nam Bộ) để ca, kết hợp với kĩ năng diễn xuất để thể hiện vai diễn. - Có thể nêu một số nét đặc trưng cơ bản của sân khấu cải lương như sau: + Về cách bày trí sân khấu: Mỗi vở cải lương thường chia ra nhiều màn (mỗi màn tượng trưng cho một nội dung hay một phần của vở diễn), khi xong một màn thì kéo màn lại, bên trong sân khấu thay đổi cảnh trí cho phù hợp để diễn màn tiếp theo cho phù hợp với nội dung. Khán giả sẽ có thời gian giải lao ở mỗi màn, bàn luận về vở diễn, tâm lí chờ đợi cho màn tiếp theo,… Đây cũng là một ưu điểm của sân khấu cải lương so với hát bội. + Về cách hoá trang: Người xem cải lương có tính bao quát hơn về: cảnh trí, trang phục, râu tóc,… Do đó, việc trang điểm cũng hài hoà và không chú trọng nhiều ở khuôn mặt như ở hát bội. + Về các bài bản ca: khi biểu diễn, các nghệ sĩ có thể vừa đối thoại vừa diễn hoặc vừa ca những bài bản cải lương Nam Bộ (các câu vọng cổ, các bài bản lớn hoặc nhỏ, các điệu lí,…) vừa diễn, cách diễn xuất, điệu bộ cũng khác hơn so với hát bội (dàn nhạc không sử dụng trống, kèn, chập choả). - Sau khi đất nước thống nhất, sân khấu cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Các gánh hát cá nhân tổ chức giờ đây phát triển theo hình thức quản lí tập thể (đoàn hát) có quy mô lớn hơn, hoạt động có hiệu quả hơn.- Một số đoàn hát nhà nước quản lí như: Trần Hữu Trang, Văn công Thành phố, Sài Gòn 1, Sài Gòn 2,... - Nội dung: Các vở cải lương trong thời kì này thường có nội dung chủ yếu về đề tài lịch sử giữ nước và dựng nước, con người mới, cuộc sống mới,…- Ví dụ: Tiếng trống Mê Linh, Thái Hậu Dương Vân Nga,…- Để củng cố và phát triển nghệ thuật sân khấu cải lương trong thời kì mới, Uỷ ban nhân dân Thành phố cùng các ban ngành, đoàn thể đã có kế hoạch và nhiều hoạt động cụ thể như: Tổ chức các đợt Hội diễn, Hội thi, Vầng trăng Cổ nhạc, Chuông vàng vọng cổ,… qua đó tìm kiếm và phát hiện thêm những nghệ sĩ, giọng ca hay nhằm đóng góp cho sự phát triển của sân khấu cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh.  |

**III. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập**

**1. Củng cố kiến thức:**

Câu 1. Trong các loại hò đã học, em thích loại hò nào nhất? Vì sao?

Câu 2. Lí là gì? Kể tên một số điệu lí mà em biết.

Câu 3. Thế nào là đồng dao? Kể tên một vài bài đồng dao mà em biết.

Câu 4. Nói thơ là gì? Kể tên một số hình thức nói thơ phổ biến mà em biết.

Câu 5. Hát bội là gì? Nêu những nét đặc trưng của hát bội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 6. Kể tên một số vở kịch nói và một số đoàn kịch nói hiện nay ở Thành phố Hồ Chí Minh mà em biết.

Câu 7. Hãy kể tên một vài nghệ sĩ cải lương hoặc vở diễn mà em biết hay đã được xem. Hãy nêu một số nét đặc sắc về cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Luyện tập:**

Câu 1. So sánh các hình thức diễn xướng sau về đặc điểm, môi trường diễn xướng:

- Hò huê tình, hò chèo ghe, hò cấy.

- Nói vè, nói thơ.

Câu 2. So sánh các loại hình văn hoá, văn nghệ: nghệ thuật hát bội, kịch nói, sân khấu cải lương về đặc điểm, cách bày trí sân khấu, cách hoá trang nhân vật.

**IV. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

1. Đại diện các nhóm thực hiện diễn xướng minh hoạ một bài hoặc một điệu trong các hình thức diễn xướng dân gian Gia Định – Sài Gòn kết hợp với các hình thức gợi ý tự chọn như:

- Cá nhân thực hiện gõ đệm hoặc vận động theo nhịp điệu của bài.

- Tập thể kết hợp gõ đệm, vận động theo nhịp của điệu bài.

- Học sinh nêu cảm nhận khi được nghe, xem, thực hiện các hình thức diễn xướng trên.

- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về các loại hình kể trên hiện nay.

2. Đại diện các nhóm minh hoạ một đoạn ngắn tùy theo năng lực về: nghệ thuật hát, kịch nói, sân khấu cải lương.

- Học sinh nêu cảm nhận khi được nghe, xem, thực hiện các loại hình văn hoá, văn nghệ kể trên.

- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về các loại hình văn hoá, văn nghệ hiện nay

**HẾT**